

BÁO CÁO

Giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 68/NQ/TW của Bộ Chính trị và các cơ chế, chính sách hỗ trợ và thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân

Thực hiện Công văn số 9301/STC-ĐKKD ngày 20/8/2026 của Sở Tài chính về việc phối hợp tham mưu UBND tỉnh báo cáo theo yêu cầu Đoàn giám sát của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh. Ban Quản lý Khu kinh tế báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, cụ thể như sau:

I. TỔNG QUAN THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KHU VỰC KINH TẾ TƯ NHÂN

Trong giai đoạn 2023-2026, hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh của khu vực kinh tế tư nhân tại các khu công nghiệp (KCN), khu kinh tế (KKT) trên địa bàn tỉnh Cà Mau tiếp tục được duy trì và phát triển, góp phần huy động nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động và đóng góp vào ngân sách nhà nước. Lũy kế trong giai đoạn, các doanh nghiệp đạt tổng doanh thu 30.218,184 tỷ đồng, nộp ngân sách nhà nước 1.229,389 tỷ đồng và tạo việc làm cho 6.571 lao động.

Đến thời điểm báo cáo, trên địa bàn các khu công nghiệp, khu kinh tế có 77 dự án đầu tư còn hiệu lực, với tổng vốn đăng ký 29.586,315 tỷ đồng. Trong đó, có 04 dự án có vốn đầu tư nước ngoài (FDI), với tổng vốn đăng ký 2.230,393 tỷ đồng, tương đương 96,11 triệu USD; có 01 dự án đầu tư hạ tầng, với tổng vốn đăng ký 3.922,354 tỷ đồng. Về tình hình triển khai, có 48 dự án đã đi vào hoạt động, 01 dự án ngừng hoạt động và 28 dự án chưa đi vào hoạt động.

II. VIỆC LÃNH ĐẠO, ĐIỀU HÀNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN

1. Công tác lãnh đạo, điều hành phát triển kinh tế tư nhân

- Ban Quản lý Khu kinh tế đã tuyên truyền, phổ biến đến toàn thể công chức, viên chức, người lao động và các doanh nghiệp trong các KCN, KKT: Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/8/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân; Nghị định số 20/2026/NĐ-CP ngày 15/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/8/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân; Chương trình số 12-CTr/TU ngày 11/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị

quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.

- Ban Quản lý Khu kinh tế đã xây dựng Kế hoạch số 66/KH-BQL ngày 07/8/2025 thực hiện Nghị quyết số 68- NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân và Kế hoạch số 51/KH-BQL ngày 04/5/2026 triển khai các chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị định số 20/2026/NĐ-CP ngày 15/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/8/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân.

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho bộ phận có liên quan; xác định rõ bộ phận chủ trì, bộ phận phối hợp, trách nhiệm của người đứng đầu trong tổ chức thực hiện; gắn trách nhiệm với tiến độ, chất lượng và kết quả thực hiện từng nhiệm vụ, nội dung thực hiện.

2. Kết quả tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao

a. Đổi mới tư duy, thống nhất cao về nhận thức và hành động, khơi dậy niềm tin, khát vọng dân tộc, tạo xung lực mới, khí thế mới để phát triển kinh tế tư nhân

- Ban Quản lý Khu kinh tế đã quán triệt, thực hiện nhất quán nhận thức về vai trò của kinh tế tư nhân; xây dựng và thực thi vai trò kiến tạo, phục vụ của Nhà nước, hỗ trợ kinh tế tư nhân phát triển nhanh, bền vững, không can thiệp hành chính vào hoạt động sản xuất, kinh doanh trái với nguyên tắc thị trường; xây dựng mối quan hệ giữa chính quyền với doanh nghiệp cởi mở, thân thiện, đồng hành, liên chính phục vụ, kiến tạo phát triển. Thường xuyên tổ chức các cuộc họp, làm việc với doanh nghiệp trong KCN, KKT để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp; đồng thời, tổ chức nhiều chuyên công tác để nắm tình hình, kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở các doanh nghiệp trong KCN, KKT về thực hiện các dự án đầu tư.

- Triển khai đầy đủ hướng dẫn, chỉ đạo của các cấp thẩm quyền liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đồng thời, cập nhật, đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Ban Quản lý Khu kinh tế các thủ tục hành chính theo quy định hiện hành; các tài liệu về quy hoạch, kế hoạch, chính sách về định hướng phát triển các KCN, KKT của tỉnh, các hoạt động của Ban Quản lý Khu kinh tế để các doanh nghiệp, nhà đầu tư dễ dàng tiếp cận khi thực hiện.

- Xây dựng và duy trì chuyên mục tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp trên Trang thông tin điện tử của cơ quan. Qua đó, kịp thời tiếp nhận, tổng hợp, xử lý hoặc tham mưu xử lý các phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

b. Đẩy mạnh cải cách, hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế, chính sách, bảo đảm và bảo vệ hữu hiệu quyền sở hữu, quyền tài sản, quyền tự do kinh doanh, quyền cạnh tranh bình đẳng của kinh tế tư nhân và bảo đảm thực thi hợp đồng của kinh tế tư nhân

- Thường xuyên thực hiện rà soát các điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý để kịp thời nắm bắt các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện. Qua rà soát đến thời điểm báo cáo, chưa phát sinh đề xuất sửa đổi hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý.

- Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số phục vụ cải cách hành chính. Thường xuyên rà soát, tham mưu đề xuất điều chỉnh rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) thuộc thẩm quyền theo quy định; tiếp tục đơn giản hóa TTHC, minh bạch hóa các TTHC trên môi trường mạng, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp trong thực hiện các thủ tục đầu tư, phát triển kinh tế tư nhân theo tinh thần Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị; 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần. Ban Quản lý Khu kinh tế đã rà soát, đánh giá và đề xuất phương án đơn giản hóa đối với 01 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế.

c. Tạo thuận lợi cho kinh tế tư nhân tiếp cận các nguồn lực về đất đai, vốn, nhân lực chất lượng cao

- Ban Quản lý Khu kinh tế đang thực hiện thống nhất các chính sách ưu đãi về về đất đai, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhập khẩu theo quy định chung của Nhà nước và các văn bản pháp luật hiện hành. Ngoài ra, các dự án còn được các hỗ trợ khác có liên quan, cụ thể như: Quỹ hỗ trợ đầu tư; Thủ tục đầu tư đặc biệt; Đào tạo nghề và giới thiệu lao động; Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng công nghệ; Hỗ trợ xúc tiến thương mại, đầu tư; Hỗ trợ tín dụng; Hỗ trợ khuyến công; Hỗ trợ nông nghiệp và phát triển nông thôn....; hỗ trợ giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa liên thông đầu mối tại Ban Quản lý Khu kinh tế.

- Ban Quản lý Khu kinh tế đã chủ trì xây dựng dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức hỗ trợ đầu tư và xác định diện tích đất đã đầu tư hạ tầng của khu công nghiệp dành cho doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê, thuê lại trên địa bàn tỉnh Cà Mau; đồng thời, lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan. Qua tổng hợp ý kiến, các cơ quan đề nghị rà soát phạm vi điều chỉnh của dự thảo để bảo đảm phù hợp với khoản 3 Điều 7 Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/8/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân. Theo đó, ngoài khu công nghiệp, Quyết định còn phải quy định đối với cụm công nghiệp và vườn ươm công nghệ. Mặt khác, hiện nay Sở Tài chính đang chủ trì xây dựng dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ giảm tiền thuê lại đất cho doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo khoản 6 Điều 7 Nghị quyết số 198/2025/QH15. Hiện nay, Ban Quản lý Khu kinh tế có Công văn đề nghị Sở Tư pháp nghiên cứu, cho ý kiến đối với đề xuất nghiên cứu hợp nhất các nội dung quy định tại khoản 3 và khoản 6 Điều 7 Nghị quyết số 198/2025/QH15 thành một Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời, giao Sở Tài chính

chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ cùng và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng dự thảo Quyết định, nhằm bảo đảm tính thống nhất của văn bản, tránh chồng chéo, thuận lợi trong quá trình tham mưu ban hành và tổ chức thực hiện.

d. Thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh doanh hiệu quả, bền vững trong kinh tế tư nhân

- Ứng dụng triệt để chuyển đổi số nhằm cắt giảm tối đa thời gian xử lý thủ tục hành chính, chi phí tuân thủ pháp luật và điều kiện kinh doanh trong các quy định về gia nhập, rút lui khỏi thị trường, đất đai, quy hoạch, đầu tư, xây dựng, thuế, hải quan, bảo hiểm, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn... Triển khai cung cấp dịch vụ công cho doanh nghiệp không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

- Ban Quản lý Khu kinh tế đã xây dựng hoàn thành, triển khai thực hiện Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu các KCN, KKT trên địa bàn tỉnh Cà Mau nhằm thúc đẩy, kết nối, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tham gia vào quá trình chuyển đổi số tại KCN, KKT.

- Ban Quản lý Khu kinh tế đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 0155/KH-UBND ngày 24/10/2025 triển khai hạ tầng 5G, IoT trong các khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp.

e. Tăng cường kết nối giữa các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp tư nhân với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp FDI

- Phối hợp đẩy mạnh triển khai Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và các chính sách hỗ trợ của các ngành, lĩnh vực để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nâng cao năng lực để kết nối với các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp FDI.

- Phối hợp hỗ trợ, khuyến khích xây dựng các chuỗi liên kết doanh nghiệp theo cụm ngành, chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng. Khuyến khích các doanh nghiệp lớn dẫn dắt chuỗi cung ứng nội địa, kết nối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh. Hỗ trợ phát triển các cụm liên kết ngành, nhất là công nghiệp hỗ trợ, chế biến chế tạo, chế biến nông sản, thực phẩm, công nghệ thông tin, công nghiệp sáng tạo.

f. Hình thành và phát triển nhanh các doanh nghiệp lớn và vừa, các tập đoàn kinh tế tư nhân tầm cỡ khu vực và toàn cầu; Hỗ trợ thực chất, hiệu quả doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và hộ kinh doanh

Ban Quản lý Khu kinh tế thực hiện tốt các chủ trương, chính sách phát triển doanh nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp trong KCN, KKT phát triển. Phối hợp chặt chẽ với các ngành, địa phương thực hiện tốt công tác hậu kiểm sau cấp Giấy chứng nhận đầu tư. Hiện nay, trong các KCN, KKT có tổng số 77 dự án được cấp phép đầu tư còn hiệu lực, với tổng vốn đăng ký là 29.586,315 tỷ đồng bao gồm 04 dự án FDI, vốn đăng ký 2.230,393 tỷ đồng, tương đương 96,11 triệu USD; 01 dự án hạ tầng 3.922,354 tỷ đồng), trong đó: 48 dự án đã đi vào hoạt động, 01 dự án ngừng hoạt động, 28 dự án đầu tư chưa hoạt động.

g. Đề cao tinh thần đạo đức kinh doanh, phát huy trách nhiệm xã hội,

thúc đẩy mạnh mẽ tinh thần kinh doanh, tạo mọi điều kiện thuận lợi để doanh nhân tham gia quản trị đất nước

- Thường xuyên tuyên truyền nâng cao nhận thức cho đội ngũ doanh nhân có đạo đức, văn hóa kinh doanh, trung thực, thanh liêm, trách nhiệm xã hội, khát vọng vươn lên, góp phần xây dựng tỉnh Cà Mau nhanh, mạnh, bền vững.

- Chủ động, tận tụy giải quyết các vấn đề vướng mắc cho doanh nghiệp trong KCN, KKT theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền đối với những vấn đề vượt thẩm quyền; đồng thời phát huy vai trò góp ý, phản biện chính sách của doanh nghiệp.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả nổi bật

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong các KCN, KKT ngày càng hoàn thiện, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho kinh tế tư nhân.

- Ban Quản lý Khu kinh tế thực hiện tốt các chủ trương, chính sách phát triển doanh nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp trong KCN, KKT phát triển. Đồng thời tạo môi trường thuận lợi để các thành phần kinh tế phát triển ổn định, đóng góp tích cực vào nguồn thu ngân sách nhà nước và giải quyết việc làm cho lao động địa phương.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Hạ tầng KCN, KKT chưa được đầu tư đồng bộ, chưa huy động nguồn vốn ngân sách và tư nhân để đầu tư hạ tầng, các KCN, KKT chưa được bố trí vốn đầu tư các dự án hạ tầng thiết yếu, dẫn đến công tác thu hút đầu tư gặp nhiều khó khăn.

- Công tác GPMB còn gặp khó khăn; nền đất yếu, trũng, chi phí đầu tư cao nên khó thu hút được nhà đầu tư hạ tầng.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/8/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân.

2. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, trọng tâm là khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp. Tiếp tục rà soát cải cách thủ tục hành chính, rà soát, tham mưu đề xuất điều chỉnh rút ngắn thời gian thực hiện TTHC thuộc thẩm quyền theo quy định nhằm tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

3. Phối hợp với các sở, ngành liên quan thực hiện tốt công tác tư vấn về pháp luật cho doanh nghiệp, nhà đầu tư thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị và hướng dẫn cung cấp danh sách các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn về pháp luật cho doanh nghiệp, nhà đầu tư.

4. Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư; duy trì đối thoại thường xuyên với các nhà đầu tư trong các KCN, KKT nhằm phát hiện và giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc của các dự án đang hoạt động, đảm bảo các dự án hoạt động có hiệu quả, đúng tiến độ và nhằm tiếp tục củng cố lòng tin của các nhà đầu tư đối với môi trường đầu tư kinh doanh tại các KCN, KKT, tạo hiệu ứng lan tỏa và tác động tích cực tới nhà đầu tư mới.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ: Không.

Ban Quản lý Khu kinh tế báo cáo Sở Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Ban;
- Các phòng, Trung tâm;
- Lưu: VT, DN_{Kiều}.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Là Văn Viễn

DANH MỤC TỔNG HỢP THÔNG TIN
CÁC DỰ ÁN ĐĂNG KÝ VÀ HOẠT ĐỘNG TẠI CÁC KCN, KKT
(Tinh đến ngày 04 tháng 8 năm 2026)
(Kèm theo Báo cáo số /BC-DN ngày / /2026 của Phòng Doanh nghiệp)

* Tổng số dự án được cấp phép đầu tư còn hiệu lực đến nay: 76 dự án (trong đó: 48 dự án hoàn thành đi vào hoạt động; 18 dự án đang triển khai; 07 dự án chậm tiến độ; 03 dự án chưa/không triển khai/ngừng hoạt động)

Trong đó:

- + KCN Khánh An tổng số 23 dự án (01 FDI), gồm: 11 dự án hoàn thành; 08 dự án đang triển khai; 04 dự án chậm tiến độ).
- + KCN Tắc Thu 01 dự án hạ tầng KCN: đang triển khai.
- + KCN Hòa Trung tổng số 12 dự án (02 FDI), gồm: 09 dự án hoàn thành (02 FDI); 03 dự án đang triển khai.
- + KCN Sông Đốc 00 hạ tầng KCN: chấm dứt.
- + KKT Cà Mau tổng số 13 dự án, gồm: 09 dự án hoàn thành; 02 dự án đang triển khai; 01 dự án chậm tiến độ; 01 dự án không triển khai.
- + KCN Trà Kha tổng số 26 dự án (01 FDI), gồm: 19 dự án hoàn thành; 04 dự án đang triển khai; 02 dự án chậm tiến độ; 01 dự án chưa triển khai.
- + KCN Láng Trâm 01 dự án: hoàn thành, đã ngừng hoạt động SXKD.

Số TT	Tên Doanh Nghiệp	Tên dự án	Giấy phép đầu tư				
			Số, ngày cấp	Diện tích đăng ký sử dụng đất (ha)	Vốn đăng ký (Tỷ đồng)	Công suất	Tiến độ cam kết được duyệt (ghi theo Giấy phép đầu tư)
	TỔNG CỘNG:			580,6444	27158,315		
I	KCN Khánh An (235,86 ha): 23 dự án			142,3724	18673,983		
1	Tổng Cty Khí Việt Nam - Cty Cổ phần (Cty Khí Cà Mau đổi tên thành CN Khí Tây Nam Bộ)	Nhà máy xử lý khí Cà Mau	Giấy CNĐKĐT số 61201000063 điều chỉnh lần 1 do Ban Quản lý cấp ngày 03/02/2015 (cấp lần đầu ngày 17/10/2011)	34,6460	10525,344	Công suất Nhà máy GPP: '- Lưu lượng khí đầu ra 5,75 triệu m3/ngày - Công suất LPG 600 tấn/ngày - Công suất condensate 35 tấn/ngày - Kho chứa: 04 bồn LPG (2000 tấn/bồn); 02 bồn condensate 1500m3/bồn	10/2011 - 10/2014; 02/2015 - 01/2017

2	Công ty CP kinh doanh khí miền Nam	Dự án Kho và trạm chiết nạp LPG Cà Mau	Giấy CNĐKĐT số 7681063127 và Quyết định 25/QĐ-BQL điều chỉnh lần 1 do Ban Quản lý cấp ngày 07/3/2016 (cấp lần đầu ngày 17/02/2016)	2,8100	19,302	Công suất chiết nạp LPG 400 tấn /tháng	2/2016-12/2016
3	Công ty TNHH MTV Gas Cà Mau	Xây dựng trạm chiết nạp LPG, kho chứa	Quyết định 118/BQL điều chỉnh lần 1 do Ban Quản lý cấp ngày 16/12/2019 (cấp lần đầu ngày 06/7/2018)	1,6440	14,000	2.900 tấn/năm	2018-2020
4	Công ty TNHH Bao Bì Golden Horse	Nhà máy Bao bì Golden Horse	Giấy CNĐKĐT số 5715035512 điều chỉnh lần 5 do Ban Quản lý cấp ngày 25/5/2026 (cấp lần đầu ngày 24/10/2014)	4,6720	121,170	+ Túi PE: 1.800 tấn/năm); + Hộp Carton: 2.340 tấn/năm; + Thùng Carton: 12.600 tấn/năm; + Túi PA: 1.200 tấn/năm.	2014-2015 2021-2022
5	Công ty Truyền tải điện 4 - Truyền tải điện Cà Mau	Nhà Quản lý vận hành Đội truyền tải điện Cà Mau	Quyết định số 51/QĐ-BQL do Ban Quản lý cấp lần đầu ngày 11/5/2016	0,4059	11,284	Nhà làm việc (2 tầng), nhà nghỉ chờ ca và nhà ăn (1 tầng), các hạng mục hạ tầng, sân đường giao thông, cây xanh, cấp điện, cấp nước	2016-2017
6	Viễn thông Cà Mau	Đầu tư xây dựng nhà trạm BTS và Anten tự đứng	Quyết định số 118/QĐ-BQL do Ban Quản lý cấp lần đầu ngày 26/8/2016	0,1268	1,356	- Công suất thiết kế của trạm: 63W; sản phẩm dịch vụ cung cấp điện thoại bàn, Internet, sóng di động vinaphone...	8/2016-11/2016
7	Tổng Công ty Điện lực miền Nam	Trạm biến áp 110KV và đường dây kết nối	Quyết định số 158/QĐ-BQL do Ban Quản lý cấp lần đầu ngày 17/10/2016	0,5314	89,107	Cung cấp điện cho KCN Khánh An	2016-2017
8	Công ty CP xây dựng công trình Hồng Lâm	Nhà máy bê tông công nghệ cao Hồng Lâm	Quyết định số 104/QĐ-BQL điều chỉnh lần 4 do Ban Quản lý cấp ngày 27/8/2020 (cấp lần đầu ngày 05/01/2017)	3,0290	65,342	- Cọ bê tông dự ứng lực: 1.000.000md/năm; Gạch không nung: 20.000.000 viên/năm; gạch vỉa hè: 5.000.000 viên/năm; cột điện: 500.000 md/năm....	2017-2021
9	Công ty Cổ phần Tập đoàn thủy sản Minh Phú	Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Khánh An	Giấy CNĐKĐT số 1830410541 điều chỉnh lần 1 do Ban Quản lý cấp ngày 16/09/2021 (cấp lần đầu 15/4/2021)	2,7300	50,000	2,700 m3/ngày đêm	2021-2022

10	Công ty CP Chăn nuôi CP Việt Nam	Nhà máy thức ăn thủy sản C.P Cà Mau	Quyết định CTĐCCTĐT đồng thời CTNĐT số 02/QĐ-BQL và Giấy CNĐKĐT số 3289978918 điều chỉnh lần 02 do Ban Quản lý cấp ngày 04/6/2024 (lần đầu 20/8/2019)	17,7100	1725,000	124.800 tấn/năm	- CBĐT: 6/2019-6/2022 - XD, lắp đặt, chạy thử: 7/2022-10/2025 - HĐ chính thức: 11/2025
11	Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phú Khánh An	Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến thủy sản Minh Phú Khánh An	Giấy CNĐKĐT số 3751511650 điều chỉnh lần 8 do Ban Quản lý cấp ngày 23/4/2026 (lần đầu 18/5/2021)	4,9500	1500,000	35.000 tấn/năm	- Hoàn thành Nhà máy 19.000 tấn/năm: II/2026 - Hoàn thành dự án Nhà máy tấn/năm: III/2026
12	Công ty CP Nước và Môi trường Khánh An	DA ĐT XD nhà máy nước Khánh An	Giấy CNĐKĐT số 2623644857 điều chỉnh lần 2 do Ban Quản lý cấp ngày 19/4/2021 (cấp lần đầu ngày 15/3/2012)	10,9913	140,000	GD1:2.880m3/ngày đêm GD2: 2.880m3/ngày đêm GD3: 4.240m3/ngày đêm GD4: 10.000m3/ngày đêm (Tổng công suất 20.000 m3/ngày đêm)	GD I (CBĐT, XD): 01/2012 - 7/2013 GD II (XD): 7/2015 - 01/2016 GD III: Sau năm 2018 GD IV: Sau năm 2022

13	Công ty Cổ phần Free Land	Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản và phân vi sinh	Quyết định số 02/QĐ-BQL điều chỉnh lần 4 do Ban Quản lý cấp ngày 29/5/2020 (cấp lần đầu 12/9/2017)	11,8700	500,000	-Thức ăn thủy sản: 100.000 tấn sp/năm. - Phân vi sinh: 50.000 tấn sp/năm.	- CBĐT: III-IV/2017 - Thực hiện ĐT: I/2018 - II/2021 - Đi vào HĐ thức ăn thủy sản: IV/2020 - Đi vào HĐ phân vi sinh: II/2021
14	Công ty TNHH XD Quang Tiền	Nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng công nghệ cao, vật liệu xây dựng nhẹ, vật liệu quý hiếm	Giấy CNĐKĐT số 1332481113 và Quyết định số 05/QĐ-BQL điều chỉnh lần 7 do Ban Quản lý cấp ngày 14/8/2023 (cấp lần đầu ngày 24/02/2016)	7,8060	970,000	- Dầm 50.000 /năm; Cọc bê tông cốt thép: 300.000m/năm; Gối cồng 15.000 gối/năm; Bê tông nhựa 100.000 tấn/năm; Bê tông tươi 100.000 tấn/năm; gạch không nung: 30.000.000 viên/năm	- CBĐT: 5/2016-9/2016 - XD, lắp đặt...: 9/2016-2/2020 Về điều chỉnh DA, tổng mặt bằng: - CB, triển khai đầu tư: IV/2022 - II/2024 - Đi vào HĐ trong: III/2024
15	Công ty Cổ phần Free Land	Nhà máy chế biến thủy hải sản	Quyết định 02/QĐ-BQL điều chỉnh lần 3 do Ban Quản lý cấp ngày 19/4/2023 (cấp lần đầu ngày 12/12/2017)	4,8900	310,000	Công suất: 4.950 tấn SP/năm	- CBĐT: II/2018-IV/2019 - XD, lắp đặt: II/2023-II/2024 - Chạy thử: III/2024 - HĐ chính thức: IV/2024
16	Công ty TNHH Hiệp Thành	Dự án đầu tư XD Cảng dịch vụ Khánh An	Giấy CNĐKĐT số 5828787663 điều chỉnh lần 03 do Ban Quản lý KKT cấp ngày 10/3/2025 (lần đầu 09/12/2015)	10,2400	361,441	Tiếp nhận tàu từ 750 tấn trở xuống; 15.000 TEUS và nâng hạ hàng rời 200.000 tấn/năm	CBĐT: 2023-2025 XDCB: 2/2025 - 2/2026 Đi vào HĐ từng phần: 6/2026 - 2/2027

17	Công ty TNHH Golden Horse Plastic	Nhà máy bao bì Golden Horse Plastic	Quyết định CTĐCCTĐT đồng thời CTNĐT số 03/QĐ-BQL điều chỉnh lần 04 do Ban Quản lý cấp ngày 16/5/2025 (cấp lần đầu ngày 21/8/2019)	1,5000	36,000	Túi PE 2000 tấn/năm; Hạt nhựa tái sinh 600 tấn/năm; Dây đai 350 tấn/năm;	- CBĐT: II-IV/2025 - XD: I/2026-III/2027 - HĐ chính thức: IV/2027
18	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Sao Lion	Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến gỗ	Quyết định CTĐCCTĐT đồng thời CTNĐT số 04/QĐ-BQL điều chỉnh lần 03 do Ban Quản lý cấp ngày 16/6/2025 (lần đầu 30/10/2019)	2,7500	350,000	30.000 tấn/năm Thanh viên gỗ nén năng lượng Biomass	- CBĐT: IV/2019 - III/2022 - XD: II/2025-II/2026 - Lắp đặt, chạy thử, HĐ chính thức: IV/2026
19	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hạ tầng và giao thông	Dự án Điện sinh khối Khánh An	Quyết định CTĐCCTĐT số 02/QĐ-BQL do Ban Quản lý cấp điều chỉnh lần 01 26/1/2026 (lần đầu ngày 25/9/2020)	7,5200	1210,637	Tổng công suất 24 MW	- Quý III/2020-IV/2025: CBĐT; - Quý I/2026-II/2026: Thẩm định và phê duyệt BCNCKT; - Quý III/2026-IV/2026: Thuê đất; - Quý I/2027 – Quý IV/2030: Tiến hành xây dựng, thử nghiệm, chạy thử và vận hành thương mại.”
20	Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý	Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến thủy sản Minh Quý	Giấy CNĐKĐT số 1672652850 và Quyết định số 05/QĐ-BQL điều chỉnh lần 1 do Ban Quản lý cấp ngày 30/6/2025 (cấp lần đầu ngày 18/5/2021)	4,9500	500,000	19.000 tấn/năm	- Hoàn thành thủ tục ĐT, khởi công: II/2025 - XD công trình và đưa vào sử dụng: + CT phụ trợ: II/2025-I/2026 + XD Nhà máy: III/2026-IV/2027
21	Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú	Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Sản xuất nước đá + Khu kỹ thuật phục vụ sản xuất	Giấy CNĐKĐT số 6317073316 và Quyết định CTCTĐT số 09/QĐ-BQL điều chỉnh lần 01 do Ban Quản lý cấp ngày 26/11/2025 (cấp lần đầu 28/5/2021).	4,6000	115,000	22.500 tấn/năm	- Hoàn thành thủ tục ĐT, khởi công: IV/2025 - XD, đi vào HĐ Khu DVKT: IV/2025-II/2026 - XD, đi vào HĐ nước đá: II/2026-IV/2027

22	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Hưng Thịnh CM	Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất khay nhựa	QĐCTCTĐT điều chỉnh lần 1 số 03/QĐ-BQL ngày 18/3/2026 (lần đầu 12/6/2024)	2,0000	59,000	Khay nhựa (bao bì) và khay xếp (bao bì) đựng hải sản. Trong đó: + Giai đoạn 1: Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất khay nhựa (bao bì), công suất 2.500 tấn/năm. + Giai đoạn 2: Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất khay xếp (bao bì), công suất 1.500 tấn/năm.	- CBĐT: II/2024 - I/2026 - Thực hiện đầu tư: II/2026-II/2029 - Đưa vào HD: + GĐI: II/2027 + GĐII: III/2029
23	Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phú Khánh An.	DỰ ÁN XÂY DỰNG KHU DỊCH VỤ VÀ LƯU TRÚ CHO CÔNG NHÂN - KHU CÔNG NGHIỆP KHÁNH AN	GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ Mã số dự án: 8232413063 Chứng nhận lần đầu: Ngày 29 tháng 7 năm 2026	6,0700	490,000	Dự kiến bố trí 14 Block 5 tầng phục vụ 15.000 chỗ lưu trú cho công nhân và chuyên gia làm việc tại chuỗi các Nhà máy Chế biến Thủy sản Minh Phú Khánh An nói riêng và các nhà máy khác trong khu công nghiệp Khánh An	Tiến độ xây dựng và hoàn thành đưa dự án vào hoạt động: '- Giai đoạn 1: II/2026 - IV/2027 - Giai đoạn 2: IV/2027 - IV/2028 - Giai đoạn 3: IV/2028 - IV/2029
II	KCN Tắc Thủ (345 ha): 01 dự án			345,0000	3922,3540		
1	Công ty CP Tập đoàn Đầu tư hạ tầng Việt Nam	Dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng KCN Tắc Thủ	QĐCTCTĐT số 510/QĐ-BQL ngày 24/02/2026; Giấy CNĐKĐT số 4428025807 ngày 27/02/2026 ; Chứng nhận điều chỉnh lần thứ nhất: Ngày 17 tháng 8 năm 2026.	345,0000	3922,354	Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp 345ha	Tiến độ xây dựng và hoàn thành đưa vào hoạt động khai thác vận hành: '- Giai đoạn 1 (164,97ha): II/2027 - IV/2028 - Giai đoạn 2 (180,03ha): IV/2028 - IV/2030
III	KCN Hòa Trung (326 ha): 12 dự án			26,4809	1329,453		
1	Công ty CP CBTS XNK Hòa Trung	Nhà máy chế biến thủy sản Hòa Trung	Giấy CNĐKĐT số 0827525883 điều chỉnh lần 6 do Ban Quản lý cấp ngày 10/6/2024 (lần đầu số 61101000050 ngày 07/11/2008 do UBND tỉnh cấp)	4,5960	160,000	Công suất 3.000 tấn/năm	I/2008-IV/2008
2	Công ty TNHH CBTS XNK Minh Châu.	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến thủy sản xuất nhập khẩu Minh Châu	Giấy CNĐKĐT số 61201000029 điều chỉnh lần 1 do Ban Quản lý cấp ngày 01/7/2010 (lần đầu ngày 30/9/2008)	3,0780	80,000	Công suất 6.000 tấn/năm	36 tháng kể từ ngày cấp Giấy CNĐT lần đầu

3	Công ty TNHH Kỹ nghệ sinh hóa Thịnh Long	DAĐT XD nhà máy SX chintin và đầu tư sản xuất dịch đạm thủy phân, bột tôm	Giấy CNĐKĐT số 6287226371 điều chỉnh lần 2 do Ban Quản lý cấp ngày 14/4/2021 (cấp lần đầu số 61201000036 ngày 06/10/2011)	2,1500	107,000	SX Chitin: 1.000 tấn/năm; SX dịch đạm thủy phân: 1.500 tấn/năm; SX bột tôm: 5.616 tấn/năm	2011-2012; I/2021-IV/2021
4	Công ty CP Việt Nam Food	Nhà máy sản xuất dịch tôm, bột tôm và các sản phẩm từ phế phẩm thủy sản	Giấy CNĐKĐT số 8544278707 điều chỉnh lần 2 do Ban Quản lý cấp ngày 4/5/2019 (cấp lần đầu số 61202000049 ngày 5/4/2013)	3,6680	100,000	Sản xuất dịch tôm: 24.000 tấn/năm; sản xuất bột tôm 9.600 tấn/năm; các sản phẩm phụ khác: 12.000 tấn/năm	24 tháng kể từ ngày được cấp Giấy CNĐT lần đầu
5	Công ty TNHH MTV SX - TM - SK Đại Phát	Dự án đầu tư nhà máy chế biến chả cá, cá muối xả ớt và sản xuất nước mắm.	Quyết định CTCTĐT đồng thời CTNĐT số 06/QĐ-BQL điều chỉnh lần 11 do Ban Quản lý KKT cấp ngày 10/7/2024 (cấp lần đầu ngày 09/12/2014)	3,8260	220,730	913.500 lít nước mắm/năm; 960 tấn chitin/năm	2017-2025
6	Công ty TNHH MTV Ánh Ngọc	Nhà máy sản xuất nước đá	Giấy CNĐKĐT số 4447252502 điều chỉnh lần 02 do Ban Quản lý KKT cấp ngày 02/01/2019 (lần đầu ngày 9/12/2014)	0,5180	14,871	1,600 cây/ngày đêm	6 tháng kể từ ngày được cấp Giấy CNĐT lần đầu
7	Công ty TNHH Thủy sản Bluebay	Nhà máy chế biến thủy sản	Giấy CNĐKĐT số 8741370409 điều chỉnh lần 10 do Ban Quản lý KKT cấp ngày 31/12/2025 (lần đầu 28/3/2019)	3,7330	420,393	8.800 tấn sản phẩm/năm	GD I (mở rộng): - CBDT, sửa chữa, bổ sung thiết bị: I-II/2019 - Đi vào HĐ: II/2024 GD II (nâng công suất): - XD, sửa chữa CT mới: IV/2023 - Sắp nhập, đi vào HĐ đạt công suất 5.800 tấn sản phẩm/năm: IV/2025
8	Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Thuận Đức	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến thủy sản	Giấy CNĐKĐT số 41044620644 điều chỉnh lần 02 do Ban Quản lý KKT cấp ngày 09/5/2024 (lần đầu 03/10/2021)	1,0180	55,000	3.500 tấn sản phẩm/năm	2021-2024
9	Công ty TNHH TM Xăng dầu Hiền Đức	Dự án đầu tư xây dựng Kho xăng dầu và Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Hiền Đức	Giấy CNĐKĐT số 0808011765 do Sở KHĐT cấp lần đầu ngày 18/12/2017	0,5700	16,459	- Kho chứa: 2000m3 - Cửa hàng bán lẻ: Xăng: 180000 lít/năm; Dầu: 120000 lít/năm	2017-2018

10	Công ty TNHH Trung Vy Phát	Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến thủy sản Trung Vy Phát	Quyết định CTCTĐT đồng thời CTNĐT số 11/QĐ-BQL do Ban Quản lý KKT cấp lần đầu ngày 18/12/2024; Quyết định chấp thuận điều chỉnh CTĐT số 06/QĐ-BQL do Ban Quản lý KKT điều chỉnh thứ 01 ngày 15/7/2026	0,9000	40,000	Công suất 1680 tấn thành phẩm/năm	Giai đoạn I: - Quý IV/2024 – Quý IV/2026: Hoàn thành các thủ tục chuẩn bị đầu tư; - Quý IV/2026 – Quý I/2027: Đầu tư xây dựng dự án; - Quý I/2027: Hoàn thiện, nghiệm thu đưa vào hoạt động. Giai đoạn II: Đối với phần diện tích còn lại thuộc lô NMHT16, Nhà đầu tư cam kết thực hiện để chỉnh trang, hoàn thiện phần diện tích còn lại của Lô đất NMHT16 đảm bảo theo đồ án quy hoạch đã được phê duyệt sau khi kết
11	Công ty CP Việt Nam Green	Nhà máy xử lý chế biến phụ phẩm thủy hải sản	Quyết định CTCTĐT đồng thời CTNĐT số 01/QĐ-BQL điều chỉnh lần 3 do Ban Quản lý KKT cấp ngày 05/01/2026 (lần đầu 06/01/2021)	1,1300	15,000	10,000 tấn sản phẩm/năm	72tháng từ khi được QĐ CTCTĐT (01/2021-01/2027) - KS địa chất, thiết kế, san lấp: 18 tháng (01/2021-6/2022) - Xây dựng: 50 tháng (6/2022-8/2026) - Lắp đặt máy móc: 3 tháng (8 - 11/2026) - Chạy thử, nghiệm thu: 1 tháng (12/2026)
12	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thực phẩm Nam Phương	Nhà máy sản xuất chế biến và xuất khẩu thủy sản	Giấy CNĐKĐT số 4556272230 do Ban Quản lý KKT cấp lần đầu ngày 18/5/2026	1,2939	100,000	6.000 tấn/năm	- Thực hiện các mục tiêu dự án: Quý III/2026 – Quý I/2028. - Dự kiến khởi công: II - IV/2028. - Hoàn thiện khai thác: I/2029.
IV	KCN Sông Đốc (100 ha - Phía Nam): 0 Dự án			0,0000	0,000		
V	KKT Cà Mau (10.801,95 ha) : 13 dự án			14,6553	639,486		

1	Cty TNHH MTV OZON Đất Mũi	Đầu tư dự án khách sạn OZON Đất Mũi	Giấy CNĐKĐT số 61201000065 do Ban Quản lý KKT cấp ngày 21/04/2015	0,7460	26,570	4 tầng, 40 phòng	2015-2017
2	Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau	Dự án đầu tư Cửa hàng xăng dầu – Bách hóa Năm Căn	Quyết định CTCTĐT đồng thời CTNĐT số 08/QĐ- BQL do Ban Quản lý KKT cấp điều chỉnh lần 01 ngày 30/10/2025 (lần đầu 22/10/2007)	0,2896	1,760	0,28962 ha	Hoàn thành thời điểm 2007
3	Công ty TNHH MTV Petrolimex Cà Mau (Tên cũ: Công ty Xăng dầu Cà Mau)	Cửa hàng xăng dầu số 16	Quyết định chủ trương đầu tư số 29/QĐ-BQL do Ban Quản lý KKT cấp ngày 16/3/2016	0,2340	8,900	Cửa hàng xăng dầu loại 3	I/2016-IV/2016
4	Công ty TNHH MTV Petrolimex Cà Mau (Tên cũ: Công ty Xăng dầu Cà Mau)	Cửa hàng xăng dầu số 29	Giấy CNĐKĐT số 6060761088 do Sở KHĐT cấp ngày 31/5/2017	0,0750	4,700	Cửa hàng xăng dầu loại 2	II/2017-IV/2017
5	Công ty CP XNK Thủy sản Năm Căn	Nhà máy chế biến thủy sản	Giấy CNĐT số 61101000092 do UBND tỉnh cấp ngày 20/01/2010	1,9830	110,000	15 tấn thành phẩm/ngày	10/2010-11/2011
6		Khu xử lý nước thải (Hạng mục công trình phục vụ Nhà máy chế biến thủy sản)	Quyết định cho thuê đất 231/QĐ-UBND ngày 10/10/2003; Quyết định CTĐCCTĐT số 07/QĐ-BQL ngày 15/7/2024	0,5300	3,826	400m3/ngày đêm	6/2010 - 3/2011
7	Công ty TNHH Liêm Duyên Hải	Bến tàu, xe Năm Căn giai đoạn I	Giấy CNĐKĐT số 61101000061 do Sở KHĐT cấp ngày 12/5/2009	0,4500	6,340	Bến tàu, xe loại III	2009-2010
8		Bến tàu, xe Năm Căn giai đoạn II	Giấy CNĐKĐT số 2033766137 điều chỉnh lần 2 do BQLKKT cấp ngày 01/7/2022 (cấp lần đầu ngày 15/8/2014)	1,1200	15,000	Bến xe - Tàu loại III	7/2022-12/2022

9	Công ty CP Đầu tư xây dựng Hồng Trung - Kiên Giang	Chợ Cà Nảy	Giấy CNĐKĐT số 7356055218 do Sở KHĐT cấp lần đầu ngày 28/5/2018	0,2512	13,140	Công suất thiết kế: chợ loại 2, SP, dịch vụ cung cấp: cung cấp điểm kinh doanh cho các tiểu thương	- XD, đi vào HĐ: 6 - 11/2018
10	Công ty Cổ phần Cảng Năm Căn	Dự án đầu tư nâng cấp cảng Năm Căn	Giấy CNĐKĐT số 61201000041 điều chỉnh lần 1 do Ban Quản lý KKT cấp ngày 05/01/2012 (lần đầu ngày 06/3/2008)	7,6000	355,380	Phục vụ tàu có trọng tải: 12.500DWT cấp cảng; CS xếp dỡ HH :808.950 tấn/năm; GĐ1: đến 2015 CS xếp dỡ HH 0.89 triệu tấn/năm; GĐ2: 2015-2020 CS xếp dỡ HH 2.30 triệu tấn/năm.	- Cấp lần đầu: + Khởi công: I/2008 + Đi vào HĐ: 01/2010 - Điều chỉnh lần 1: + GĐ I: đến 2015, công suất 0,89 triệu tấn/năm + GĐ II: 2015-2020, công suất 2,30 triệu tấn/năm
11	Công ty CP XNK Thủy sản Năm Căn	Nhà khách Công ty CP XNK Thủy sản Năm Căn	Quyết định CTCTĐT đồng thời CTNĐT số 334/QĐ-UBND do UBND tỉnh cấp ngày 08/3/2016 và Giấy CNĐKĐT số 0821603731 do Sở KHĐT cấp ngày 11/3/2016.	0,0355	1,030	Phòng khách, nhà để xe, sân đường nội bộ nhằm phục vụ khách hàng, người lao động của Công ty.	- CBĐT: I - II/2016 - XD, đi vào hoạt động: II - IV/2016
12	Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau	Nhà kho	Quyết định số 06/QĐ-BQL điều chỉnh lần 2 do Ban Quản lý cấp ngày 06/8/2025 (cấp lần đầu ngày 11/01/2017)	0,4860	12,160	Dự trữ hàng hóa phục vụ tiêu dùng	- Thuê đất & thủ tục liên quan: 6-8/2025 - Lựa chọn nhà thầu: 8/2025 - 1/2026 - XD, đi vào HĐ: 1-12/2026

13	Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy cấp nước (6.525,2 m2) và nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước Năm Căn (2.029,7 m2)	Quyết định CTĐCCTĐT đồng thời CTNĐT số 12/QĐ-BQL điều chỉnh lần 1 ngày 09/12/2025 (cấp lần đầu 09/8/2024)	0,8550	80,680	- Công suất thiết kế: 6.000 m3 ngày/đêm, trong đó: + Giai đoạn đầu: 2.950 m3 ngày/đêm. + Giai đoạn sau: 3.050 m3 ngày/đêm.	- GĐI (Nâng cấp, cải tạo NM nước Hàng Vĩnh): CBĐT từ IV/2025-I/2026; thi công, đưa vào khai thác từ II-III/2026. - GĐ II (Xây mới NM nước Năm Căn): 2950m3/ngày đêm từ III/2026 - I/2027; - GĐ III tiếp tục đầu tư xây dựng công suất 3050m3/ngày đêm từ I/2030 - I/2032
VI	KCN Trà Kha (65 ha): 26 dự án			45,3817	2321,359		
1	Công ty CP Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	NM Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	Giấy CNĐKĐT số 6705715440 điều chỉnh lần 2 do BQLKCN cấp ngày 29/11/2023 (cấp lần đầu ngày 09/7/2007)	7,0592	462,100	50 triệu lít/năm	- Giai đoạn 1: XDCB 4/2007-4/2008; đưa vào hoạt động III/2008. - Giai đoạn 2: 24 tháng kể từ ngày 13/01/2022 (theo CV số 112/UBND-KT ngày 13/01/2022)
2	Viễn thông Bạc Liêu	Trung tâm kinh doanh và nhà đặt thiết bị viễn thông KCN Trà Kha - VNPT Bạc Liêu	Giấy CNĐKĐT số 3870223406 điều chỉnh lần 1 do BQLKCN cấp ngày 30/12/2024 (cấp lần đầu ngày 23/3/2010)	0,1100	6,500	0,110ha	Từ 4/2010 đến 12/2011 (20 tháng)
3		NM sản xuất Bao bì Dầu Khí	Giấy CNĐKĐT số 0578538766 điều chỉnh lần 1 do BQLKCN cấp ngày 14/12/2020 (cấp lần đầu ngày 23/6/2010) Chứng nhận thay đổi lần thứ 02: ngày 19 tháng 6	2,1477	137,000	- Giai đoạn 1 (đã thực hiện): 20 (hai mươi) triệu bao/ năm. - Giai đoạn 2 (mở rộng): nâng công suất từ 20 lên 50 triệu bao/ năm.	Từ 6/2010 đến 6/2011 (12 tháng) ; Giai đoạn 2 (mở rộng): Quý III/2026- Quý III/2028: Đầu tư bổ sung 01 máy tạo sợi siêu tốc, 36 máy dệt và 02 máy nén khí; hoàn thiện dây chuyền sản xuất, nâng công suất dự án

4	Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam	NM sản xuất phân bón Dầu khí Bạc Liêu	Giấy CNĐKĐT số 5636803317 điều chỉnh lần 2 ngày 24/5/2023 (lần đầu ngày 12/4/2016) và QĐCTĐT điều chỉnh lần 2 do BQLKCN cấp ngày 24/5/2023 (cấp lần đầu ngày 28/3/2016)	1,7696	34,575	30 nghìn tấn/năm	- Lần đầu: Hoàn thành đưa vào hoạt động 12/2016 - Lần 2: Từ 01/2022 đến 01/2024 (24 tháng theo CV số 166/UBND-KT ngày 17/01/2022)
5	Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM (SAIGON PETRO)	Trạm triết nạp Gas	Giấy CNĐKĐT số 60221000008 điều chỉnh lần 01 do BQLKCN cấp ngày 10/10/2013 (lần đầu ngày 23/5/2013)	0,7000	10,098	24 nghìn tấn/năm	10 tháng kể từ ngày được cấp GCNĐT
6	Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt may Miền Nam - Vinatex	NM may Vinatex Bạc Liêu	Giấy CNĐKĐT số 7772730650 điều chỉnh lần 2 do BQLKCN cấp ngày 06/4/2021 (lần đầu ngày 12/2/2015)	4,4280	107,500	25 triệu may với sản lượng 6,1 triệu sản phẩm/năm	- Tiến độ xây dựng: 8 tháng; - Tiến độ hoàn thành đưa vào hoạt động: năm 2016
7	Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau	Nhà kho	Giấy CNĐKĐT số 60221000010 điều chỉnh lần 1 do BQLKCN cấp ngày 08/4/2015 (lần đầu ngày 26/3/2014)	1,0006	22,650	0,501 ha	Tiến độ thực hiện: 12 tháng kể từ ngày được cấp GCNĐT
8	Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH - Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam	Trung tâm Thí nghiệm Điện Bạc Liêu	QĐCTĐT số 22/QĐ-KCN do BQLKCN cấp ngày 13/6/2017	1,0240	17,000	150 nghìn sản phẩm/năm	- Tiến độ ĐTXDCB: III, IV/2017 - Đưa vào hoạt động: 2018
9	Công ty CP Tập đoàn Cơ khí Công nghệ Cao SIBA	NM cơ khí công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao VMECO	Giấy CNĐKĐT số 3782124025 điều chỉnh lần 2 ngày 01/8/2022 (lần đầu ngày 26/8/2019) và QĐCTĐT số 21/QĐ-KCN điều chỉnh lần 2 do BQLKCN cấp ngày 29/7/2022 (lần đầu ngày 27/7/2018)	1,4101	231,000	- Phụ tùng công nghiệp phụ trợ: 8,5 nghìn sp/năm - Lò đốt rác: 300 tấn/năm - DA xử lý nước thải: 15 DA - Gia công kéo thép, nhà xưởng: 1,5 nghìn sp/năm	Lần đầu: 2018-2019 Lần 2: - Xây dựng là lắp thiết bị: 8/2019 đến 12/2019 - Vận hành sản xuất: 01/2020.
10	Công ty CP Cấp nước Bạc Liêu	Trạm cấp nước KCN Trà Kha	QĐCTĐT số 50/QĐ-KCN điều chỉnh lần 1 do BQLKCN cấp ngày 05/11/2021 (lần đầu ngày 05/5/2021)	0,2000	23,206	2,000 m2/ngày đêm	- GĐ 1: từ II/2021 đến IV/2021 - GĐ 2: từ I/2022 đến II/2022

11	Công ty Cổ phần Gạo Lúa Tôm (tên cũ: Công ty CP Đầu tư Phát triển Gia Nghiêm)	Nhà máy chế biến thủy sản Gạo Lúa Tôm (tên cũ: NM sản xuất gạch không nung)	QĐ CTĐT số 15/QĐ-KCN do BQLKCĐN cấp ngày 27/6/2016; QĐ CTĐT CTĐT số 07/QĐ-BQL (Điều chỉnh lần thứ 01: ngày 28 tháng 7 năm 2026)	0,8740	10,000	960 tấn sản phẩm/ năm	Tiến độ thực hiện dự án: 06 tháng kể từ ngày được cấp Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư
12	Công ty CP Đầu tư Phát triển Gia Nghiêm	NM sản xuất thùng xốp	QĐ CTĐT số 28/QĐ-KCN điều chỉnh lần 1 do BQLKCĐN cấp ngày 04/8/2021 (cấp lần đầu ngày 26/3/2020)	1,4288	25,000	1,440 tấn sản phẩm/năm	- Chuẩn bị ĐTXD: 2020 - Vận hành SXKD: 2021
13	Công ty TNHH TMDV sản xuất Khang Long - Hữu Lộc	NM sản xuất các cầu kiện thép và bê tông đúc sẵn loại nhỏ	Giấy CNĐKĐT số 8462173878 điều chỉnh lần 3 do BQLKCĐN cấp ngày 19/3/2019 (lần đầu ngày 09/4/2012)	1,5000	32,586	Cầu kiện thép: 5060 tấn/năm Bê tông đúc: 29.400 tấn/năm	- Tiến độ XDDB: từ 01/2017 đến 11/2019 - Đưa vào hoạt động: 12/2019
14	Công ty CP Đầu tư Phát triển Nông nghiệp - Thủy sản Bạc Liêu	NM sản xuất, gia công phân bón NPK	Giấy CNĐKĐT số 7432706454 điều chỉnh lần 1 ngày 23/11/2018 (lần đầu ngày 06/10/2017) và QĐCTĐT số 29/QĐ-KCN điều chỉnh lần 2 do BQLKCĐN cấp ngày 16/8/2021 (lần đầu ngày 08/12/2017)	1,3993	44,254	17.540 tấn sản phẩm/năm (trong đó: phân bón 17.500 tấn; 40 tấn)	-GD 1: từ IV/2016 đến IV/2017 - GD 2: từ IV/2021 đến IV/2022

15	Công ty TNHH sản xuất và thương mại thủy sản Đông Dương	NM sản xuất thuốc thú y thủy sản	Giấy CNĐKĐT số 4883702147 do BQLKCN cấp ngày 25/9/2015	0,3215	17,000	47 tấn thành phẩm/năm	- Tiến độ XD CB: 14 tháng kể từ ngày cấp GCNĐT. - Tiến độ đưa vào hoạt động: 11/2016
16	Công ty CP Quốc tế Đông Dương	NM chế phẩm sinh học Ibiopharm Việt Nam	QĐCTĐT số 59/QĐ-KCN do BQLKCN cấp ngày 30/12/2016; QĐ số 05 /QĐ-BQL Điều chỉnh lần thứ 01: ngày 08 tháng 6 năm 2026	4,0238	100,000	Sản xuất chế phẩm sinh học: 2.500 tấn sản phẩm/năm; Cho thuê 02 nhà xưởng do nhà đầu tư xây dựng với diện tích 4.680 m ²	- Tiến độ XD CB: 2017-2018 - Đưa vào hoạt động: đầu năm 2019
17	Công ty CP Sản xuất và Thương mại N Muối	NM chế biến cà phê, trà, điều	QĐCTĐT số 52/QĐ-KCN điều chỉnh lần 2 do BQLKCN cấp ngày 23/11/2021 (lần đầu ngày 08/12/2017)	2,7555	53,370	38 tấn/ngày đêm (trong đó: 08 tấn cà phê, trà, điều; 30 tấn gạo lau bóng)	- GĐ 1: năm 2018 - GĐ 2: từ III/2021 đến III/2022)
18	Công ty TNHH Bao bì Lương thực Trung Diệp	NM sản xuất Bao bì Minh Trí	Giấy CNĐKĐT số 6442336660 điều chỉnh lần 3 ngày 12/12/2024 (lần đầu ngày 09/9/2010) và QĐCTĐT điều chỉnh lần 4 do BQLKCN cấp ngày 30/6/2025 (lần đầu ngày 09/9/2010)	0,7174	61,300	43 nghìn tấn sp/năm (trong đó: thùng giấy carton 15 nghìn tấn; Bao bì PP và Bopp 10 nghìn; bao bì pe 18 nghìn)	- Lần đầu: 09/2010 - 12/2011. - Lần 2: 09/2010 - 4/2011 - Lần 4: 6 - 12/2025.

19	Công ty TNHH Phương Hậu Bạc Liêu	NM sản xuất Bao bì Phương Hậu	Giấy CNĐKĐT số 0065056246 ngày 29/3/2019 và QĐCTĐT số 11/QĐ-KCN điều chỉnh lần 1 do BQLKCN cấp ngày 11/4/2025 (lần đầu ngày 31/7/2018)	0,6000	16,000	5.500 tấn sản phẩm/năm	- Lần đầu: đưa vào hoạt động II/2019 - Điều chỉnh lần 1 - mở rộng dự án: 12 tháng, từ 4/2025 đến 4/2026
20	Công ty CP Quốc tế Đồng Dương	NM sản xuất Dược Bali	QĐCTĐT số 45/QĐ-KCN điều chỉnh lần 1 do BQLKCN cấp ngày 29/11/2019 (lần đầu ngày 27/7/2018)	3,1182	200,000	1 nghìn tấn sản phẩm được liệu các loại/năm	- Tiến độ chuẩn bị đầu tư, xây dựng: 2018-2021 - Thời gian vận hành SXKD: năm 2021
21	Công ty CP kho vận An Phước	Cảng bến sông - KCN Trà Kha	Giấy CNĐKĐT số 60221000007 do BQLKCN cấp ngày 26/4/2012	1,0606	83,000	Cảng bến sông KCN; Bốc xếp 600 tấn hàng hóa/ngày	- GĐ 1 (12 tháng): kể từ 5/2012 - GĐ 2 (24 tháng): kể từ 5/2018

22	Công ty CP Dệt Đông Nam	NM Sợi Đông Nam - Bạc Liêu	QĐCTĐT số 63/QĐ-KCN điều chỉnh lần 1 do BQLKCNC cấp ngày 29/12/2020 (lần đầu ngày 31/10/2018)	4,6000	512,920	71 nghìn tấn/năm	- GĐ1: xây dựng, lắp đặt III/2019 đến III/20021; vận hành, SXKD IV/2021. - GĐ 2: xây dựng, lắp đặt I/2022 đến III/2022; vận hành, SXKD IV/2022.
23	Công ty TNHH Xây dựng Tâm Thuận Phát	Dịch vụ kho vận Logistics cung cấp kho bãi chứa hàng và cho thuê lại nhà kho	QĐCTĐT số 13/QĐ-BQL do Ban Quản lý cấp ngày 25/12/2025 (cấp lần đầu 27/11/2025)	0,8587	42,300	Dịch vụ kho vận logistisc: 280.000 tấn sp/năm	- Chuẩn bị đầu tư: IV/2025 - Xây dựng và bàn giao cho thuê nhà kho: I/2026-IV/2026 - Đưa vào hoạt động: IV/2026
24	Công ty TNHH Vật liệu mới Đa Đông Wu Việt Nam	NM sản xuất cấu kiện bê tông Bạc Liêu	QĐCTĐT số 07/QĐ-BQL do BQL KKT cấp ngày 27/10/2025; GCNĐKĐT điều chỉnh lần 02 ngày 31/7/2026	1,2321	30,000	124 nghìn tấn/năm	- Tiến độ XD CB: 6/2026 đến 12/2027 - Vận hành, SXKD: 12/2027
25	Công ty TNHH Thương mại Lửa Xanh	Dự án đầu tư Khu dịch vụ Khu công nghiệp Trà Kha	QĐCTĐT số 04/QĐ-BQL do BQL KKT cấp ngày 22/5/2026	0,6571	30,000	- Công suất thiết kế: Đầu tư các loại hình dịch vụ cho Khu công nghiệp Trà Kha trên phần diện tích 6.571 m2. - Sản phẩm, dịch vụ cung cấp: Dự án cung cấp dịch vụ lưu trú cho công nhân và chuyên gia, cùng các dịch vụ tiện ích đi kèm như ăn uống, mua sắm, sinh hoạt, giải trí và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt trong Khu công nghiệp Trà Kha.	- Thời gian xây dựng: Từ Quý III/2026 đến Quý II/2027; □ Thời gian đưa vào hoạt động: Quý III/2027.

26	Công ty Cổ phần tư vấn và xây dựng thương mại Thành Đô	Nhà máy sản xuất cầu kiện bê tông đúc sẵn và thiết bị cơ khí	GCNĐKĐT Mã số dự án: 4320616354 Chứng nhận lần đầu: ngày 30 tháng 6 năm 2026	0,3854	12,000	- Công suất thiết kế của dự án: 100.300 tấn/năm.	- b) Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động của dự án đầu tư - Quý III/2026: thực hiện hồ sơ xin cấp phép đầu tư. - Từ Quý III/2026 đến Quý I/2027: thực hiện các thủ tục để triển khai xây dựng theo quy định. c) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động: - Dự kiến khởi công: Quý I/2027. - Hoàn thiện đưa dự án vào khai thác vận hành: Quý II/2027.
VII	KCN Láng Trâm (150 - 200ha): 01 dự án			6,7542	271,680		
1	Công ty CP Chế biến thủy sản XNK Âu Vũng 2	NM Chế biến thủy sản Âu Vũng I	Giấy CNĐKĐT số 0742047264 điều chỉnh lần 4 ngày 03/10/2016 (lần đầu ngày 07/01/2011)	6,7542	271,680	10 nghìn tấn thành phẩm/năm	- Tiến độ XD CB: 2014 đến 2017 - Đưa công trình vào hoạt động: 2017

Lập bảng